Ký bởi: UBND tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2194 /QĐ-UBND	*Điện Biên, ngày 29 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính cho người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2026-2031;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 3580/TTr-STP ngày 28 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền:

1. Cho người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện 112 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực quản lý nhà nước về Nội vụ, Tư pháp, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường (*Chi tiết Phụ lục I kèm theo*).

2. Cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện 01 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực quản lý nhà nước về nội vụ (*Chi tiết Phụ lục II kèm theo*).

3. Cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện 01 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực quản lý nhà nước về Nông nghiệp và Môi trường (*Chi tiết Phụ lục III kèm theo*).

Điều 2. Thời hạn ủy quyền 12 tháng kể từ ngày Quyết định ủy quyền có hiệu lực thi hành.

Trường hợp pháp luật có quy định mới làm thay đổi về nội dung, phạm vi, thẩm quyền hoặc trình tự, thủ tục liên quan đến nhiệm vụ được ủy quyền thì thực hiện theo quy định của pháp luật mới và cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về lĩnh vực đó kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, sửa đổi hoặc thay thế Quyết định ủy quyền cho phù hợp.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền tại Điều 1 Quyết định này; tổ chức giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng thời hạn, không gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân.

2. Việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các bộ: Tư pháp, Nội vụ; Y tế, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường;
- Như Điều 5;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị;
- CV khối nghiên cứu tổng hợp;
- Lưu: VT, PVHCC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Văn Lương

Phụ lục I

ỦY QUYỀN CHO NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NỘI VỤ, TƯ PHÁP, Y TẾ, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, XÂY DỰNG, NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 2194 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	Mã thủ tục hành chính	Nhiệm vụ ủy quyền	Đối tượng nhận ủy quyền	Căn cứ pháp lý
I	**Lĩnh vực Nội vụ: 02 thủ tục hành chính**			
1	2.001396	Giải quyết chế độ Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Giám đốc Sở Nội vụ	Điểm a khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 16/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính; điểm a khoản 3 Điều 13 và khoản 3 Điều 18 Thông tư số 09/2025/TT-BNV ngày 18/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
2	2.001157	Giải quyết chế độ Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		Điểm a khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 16/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính; điểm a khoản 3 Điều 13 và khoản 3 Điều 18 Thông tư số 09/2025/TT-BNV ngày 18/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
II	**Lĩnh vực Tư pháp: 06 thủ tục hành chính**			
1	1.003198	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	Giám đốc Sở Tư pháp	Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ
2	1.014442	Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa		Điều 12 Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/1/2026 của Chính phủ

3	1.003179	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài		Khoản 4 Điều 29 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 16 Điều 1 Nghị định 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ
4	1.003976	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng		Khoản 1 Điều 37 Luật Nuôi con nuôi năm 2010
5	1.004878	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi		
6	1.003160	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi		
III	**Lĩnh vực Y tế: 04 thủ tục hành chính**			
1	1.001138	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Giám đốc Sở Y tế	Điều 5 Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Thông tư số 20/2026/TT-BYT ngày 11/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế
2	2.000559	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ		
3	2.000552	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm		
4	1.00678	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng		
IV	**Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ: 94 thủ tục hành chính**			
1	1.115137	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ.		Mục IV.1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
2	1.115138	Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ- sử		Mục V.1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị

		dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ.		quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
3	1.115139	Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ- sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác.		Mục VI.1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
4	1.115140	Gia hạn Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ.	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Mục XVII.1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
5	1.115141	Sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ.		Mục XVIII.1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
6	1.014642	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác.		Mục I.1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
7	1.014645	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ.		Mục II.1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
8	1.014648	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ.		Mục III.1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
9	1.014656	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (trừ người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát		Mục VII.1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ

		tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
10	1.014657	Khai báo nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân, thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp.		Mục VIII.1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
11	1.014660	Thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng		Mục IX.1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
12	1.014661	Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở		Mục X.1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
13	1.014662	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.		Mục XI.1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
14	1.014665	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ		Mục XII.1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
15	1.014666	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Đánh giá hoạt độ phóng xạ		Mục XV.1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
16	1.014667	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ		Mục XVI.1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
17	1.014671	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Tẩy xạ		Mục XIV.1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
18	1.014673	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Thử nghiệm thiết bị bức xạ		Mục XIII.1 Phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
19	1.115167	Công bố năng lực tư vấn đối với tổ chức tư vấn		Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
20	1.115162	Công bố năng lực tư vấn đối với chuyên gia tư vấn độc lập		Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
21	1.115163	Công bố năng lực đánh giá đối với tổ chức chứng nhận		Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày

				20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
22	1.115164	Điều chỉnh Bản công bố năng lực tư vấn, đánh giá		Khoản 10 Điều 3 Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
23	1.115165	Công bố năng lực đào tạo		Các khoản 13, 14 Điều 3 Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
24	1.115166	Điều chỉnh Bản công bố năng lực đào tạo		Điểm 2 khoản 16 Điều 3 Thông tư số 22/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
25	1.115184	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao (địa phương)		Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ
26	1.115185	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp lần đầu (địa phương)		Khoản 1 Điều 75 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ
27	1.115186	Đăng ký thay đổi, bổ sung Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (địa phương)		Khoản 3 Điều 73 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ
28	2.002847	Thủ tục đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập		Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
29	1.004962	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của các doanh nghiệp viễn thông trừ doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)		Điều 3 và Mục VI Phần B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
30	1.013382	Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài		Điều 3 và Mục XIII Phần B Phụ lục I ban hành kèm theo

		phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
31	1.013384	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia		
32	1.013383	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia		
33	1.005444	Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng		Điều 3 và Mục XV Phần B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
34	1.005445	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng		
35	1.00337	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng		
36	1.00330	Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông		Điều 3 và Mục XIV Phần B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
37	1.003249	Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông		
38	1.013381	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông		
39	1.004500	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh		
40	1.010268	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh		
41	1.010276	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông		

		tin vệ tinh	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Điều 3 Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
42	1.010284	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh		
43	1.010288	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh		
44	1.010272	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh		
45	1.01028	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh		
46	1.010304	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh		
47	1.010308	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh		
48	1.010316	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin		

		vệ tinh	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Điều 3 Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
49	1.010317	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh		
50	1.010297	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh		
51	1.010293	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn		
52	1.010294	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn		
53	1.010295	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn		
54	1.010296	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần		

		số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn	Giám đốcSở Khoa học và Công nghệ	
55	1.01492	Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm,dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian,phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh,thành phố)		Điều 16 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ
56	1.014921	Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)		
57	1.014922	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01tỉnh, thành phố)		
58	1.014923	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)		
59	1.014916	Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)		
60	1.014917	Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)		
61	1.014918	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)		
62	1.014919	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)		

63	1.015016	Thủ tục giải quyết khiếu nại liên quan đến sở hữu công nghiệp	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Điều 119 Thông tư số 10/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026, Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ
64	1.015014	Thủ tục công nhận cơ sở đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp		Điều 127 Thông tư số 10/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026, Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ
65	1.013942	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp		Điều 8 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ
66	1.013928	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp		Mẫu số 07 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ
67	1.014438	Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh		Điều 66 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính Phủ
68	1.014439	Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo		
69	1.01444	Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh		
70	1.014431	Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh		
71	1.014432	Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo		
72	1.014433	Thủ tục công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh		

		nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
73	1.014435	Thủ tục công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo		
74	1.014436	Thủ tục công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo		
75	1.014437	Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo		
76	1.014451	Thủ tục đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tài trợ, đặt hàng về đổi mới công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo		Điều 11 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính Phủ
77	1.014525	Thủ tục xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ
78	1.014526	Thủ tục thực hiện điều chỉnh, chấm dứt thực hiện hợp đồng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		Điểm a khoản 6 Điều 16, điểm b khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ
79	1.014536	Thủ tục hỗ trợ tổ chức hội thảo khoa học tại Việt Nam		Điều 42 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ
80	1.014537	Thủ tục hỗ trợ phát triển tạp chí khoa học		
81	1.014538	Thủ tục hỗ trợ hoạt động sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật hoặc hợp lý hóa sản xuất		
82	1.014539	Thủ tục hỗ trợ hoạt động truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phổ biến tri thức		
83	1.01454	Thủ tục hỗ trợ thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài		

84	1.014541	Thủ tục hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ và học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	
85	1.014547	Thủ tục hỗ trợ mời nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn		
86	1.014549	Thủ tục hỗ trợ tham dự và báo cáo kết quả nghiên cứu tại hội nghị quốc tế		
87	1.014551	Thủ tục hỗ trợ công bố công trình khoa học công nghệ trong nước và quốc tế		
88	1.014382	Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân không cư trú, không hoạt động tại Việt Nam		Mục I Phần E Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết cố 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
89	1.014541	Thủ tục hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ dành cho tổ chức (cấp tỉnh)		Khoản 3 Điều 42 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ
90	1.115699	Thủ tục công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược		Điều 8 Nghị định số 260/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ
91	1.115700	Thủ tục xác nhận doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao		Điều 2 Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
92	1.115701	Thủ tục xác nhận doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược		
93	1.115705	Thủ tục xác nhận dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí thực hiện hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược đầu tư vào khu công nghệ cao		
94	1.115702	Thủ tục xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược		

VI	**Lĩnh vực Xây dựng: 05 thủ tục hành chính**			
1	1.013222	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Giám đốc Sở Xây dựng	Khoản 4 Điều 44 Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 của Chính phủ
2	1.013224	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài		
3	1.013261	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ		Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/3/2024 của Chính phủ
4	1.013260	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép		
5	1.013259	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ		
VII	**Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường: 01 thủ tục hành chính**			
1	1.000071	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Điều 84 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ

Phụ lục II

ỦY QUYỀN CHO ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NỘI VỤ

(Kèm theo Quyết định /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	Mã thủ tục hành chính	Nhiệm vụ ủy quyền	Căn cứ pháp lý
1	1.116316	Thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.	Khoản 3 Điều 14 và khoản 2, khoản 3 Điều 95 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ; khoản 2 Điều 5 Thông tư số 16/2026/TT-BNV ngày 28/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Phụ lục III

ỦY QUYỀN CHO CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	Mã thủ tục hành chính	Nhiệm vụ ủy quyền	Căn cứ pháp lý
1	1.012834	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Điều 14 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ